BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
01-10-2026 15:49:03 +07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 220-QĐ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

QUY ĐỊNH
cơ chế tôn vinh, trọng dụng và bảo vệ cán bộ dám đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung

---

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIV;

- Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về phát huy tính tiên phong, gương mẫu, tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong kỷ nguyên mới;

Ban Bí thư quy định cơ chế tôn vinh, trọng dụng và bảo vệ cán bộ dám đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định nguyên tắc, điều kiện, tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, biện pháp tôn vinh, trọng dụng, bảo vệ cán bộ dám đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung *(sau đây gọi là cán bộ đổi mới, sáng tạo)*; trách nhiệm, quyền hạn của cán bộ, cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu.

2. Quy định này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị (sau đây gọi chung là cán bộ) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vì lợi ích chung*: Là vì lợi ích của quốc gia, dân tộc, cộng đồng, của ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh mà không vì lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ, không có động cơ vụ lợi.

2. *Đề xuất đổi mới, sáng tạo trong thực thi công vụ* (sau đây gọi là đề xuất): Là giải pháp, mô hình, chính sách có tính đột phá nhằm tháo gỡ điểm nghẽn, vướng mắc, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, bao gồm giải pháp đổi mới trong khuôn khổ đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và giải pháp đối với vấn đề chưa có quy định, quy định không còn phù hợp hoặc cần thực hiện khác với quy định hiện hành hoặc do có sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ. Đề xuất không bao gồm sáng kiến cải tiến lề lối làm việc, quy trình nghiệp vụ thông thường thuộc phạm vi đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

3. *Tôn vinh, trọng dụng và bảo vệ cán bộ*: Là hệ thống cơ chế, chính sách, giải pháp, biện pháp về chính trị, pháp lý, tổ chức và hành chính nhằm tạo động lực và bảo vệ uy tín, danh dự, vị trí công tác, quyền và lợi ích hợp pháp của cán bộ trước rủi ro khách quan hoặc khi bị xem xét, quy kết trách nhiệm chưa chính xác.

4. *Rủi ro trong đổi mới, sáng tạo*: Là khả năng phát sinh tổn thất, thiệt hại trong quá trình thực hiện đề xuất, bao gồm rủi ro đã được nhận diện, dự báo và chấp nhận trong giới hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt; rủi ro khách quan không thể dự báo tại thời điểm đề xuất và rủi ro phát sinh do sai sót không cố ý.

5. *Lợi ích cục bộ*: Là lợi ích không chính đáng hình thành từ sự cấu kết, tác động, chi phối giữa các tổ chức hoặc cá nhân chỉ phục vụ một ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị, nhóm hoặc cá nhân, làm phương hại đến lợi ích chung của quốc gia, dân tộc, cộng đồng và lợi ích hợp pháp của chủ thể có liên quan.

6. *Lợi ích nhóm*: Là lợi ích không chính đáng hình thành từ sự cấu kết, tác động, chi phối giữa các tổ chức, cá nhân tác động đến quyết định, chính sách hoặc việc thực thi công vụ để mang lại lợi ích riêng cho một nhóm người, tổ chức, gây phương hại đến lợi ích chung.

Điều 3. Nguyên tắc tôn vinh, trọng dụng và bảo vệ cán bộ

1. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng; sự giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân; bảo đảm thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt giữa quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Cán bộ đổi mới, sáng tạo có đề xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện đúng chủ trương, quy định và đóng góp thiết thực cho sự phát triển của đất nước, ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị thì được

khuyến khích, ghi nhận, tôn vinh, khen thưởng, trọng dụng và bảo vệ theo quy định. Cơ chế khuyến khích, bảo vệ được áp dụng từ khi đề xuất ý tưởng đến khi kết thúc thực hiện, bảo đảm tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch.

3. Phân định rõ, khách quan, hợp lý giữa rủi ro, sai sót do nguyên nhân khách quan hoặc pháp luật chưa đầy đủ, đồng bộ với hành vi cố ý vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước vì vụ lợi, lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm. Việc đánh giá trách nhiệm phải đặt trong bối cảnh lịch sử cụ thể, xem xét toàn diện quá trình thực hiện, động cơ, mục đích, thẩm quyền, mức độ lỗi, khả năng dự báo, kiểm soát rủi ro và kết quả; không chỉ căn cứ hậu quả xảy ra để quy kết trách nhiệm mà còn xem xét kết quả, lợi ích đạt được. Tổ chức, cá nhân để xảy ra sai sót phải kịp thời khắc phục, rút kinh nghiệm, phòng ngừa tái phạm.

4. Tuân thủ các tiêu chí, điều kiện, trình tự theo quy định; bảo đảm tôn vinh, trọng dụng, bảo vệ đúng đối tượng, nội dung, động cơ, mục đích, vì lợi ích chung. Cán bộ phải chủ động báo cáo, xử lý xung đột lợi ích theo quy định, bảo đảm công khai, minh bạch.

5. Bảo đảm hài hoà giữa phát huy đổi mới, sáng tạo với kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

6. Ưu tiên xem xét, bố trí nguồn lực, áp dụng cơ chế hỗ trợ và tạo điều kiện thử nghiệm theo thẩm quyền đối với đề xuất thuộc các lĩnh vực quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 4. Phạm vi áp dụng

1. Cơ chế tôn vinh, trọng dụng và bảo vệ cán bộ theo Quy định này được áp dụng đối với đề xuất đổi mới, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ, trừ các trường hợp được quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Không áp dụng Quy định này đối với đề xuất trái với Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, Hiến pháp hoặc thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; làm lộ bí mật nhà nước; làm thay đổi cấu trúc, bản chất, nguyên tắc của hệ thống chính trị.

b) Thực hiện thử nghiệm y sinh, dược phẩm, hoá chất chưa được chấp thuận, phê duyệt theo quy định gây nguy hiểm trực tiếp đến sinh mạng, sức khoẻ con người; gây ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng, để lại hậu quả lâu dài, khó khắc phục.

c) Làm thay đổi nguyên tắc, trình tự, thủ tục tố tụng cơ bản, phá vỡ nguyên tắc suy đoán vô tội, làm phát sinh nguy cơ oan, sai hoặc xâm phạm nghiêm trọng quyền con người, quyền công dân.

d) Can thiệp trái pháp luật vào hệ thống tiền tệ, dự trữ ngoại hối, ngân sách nhà nước, gây nguy cơ mất an ninh, an toàn tài chính quốc gia.

đ) Làm thay đổi nền tảng tư tưởng của Đảng hoặc định hướng sai lệch về nền tảng tư tưởng của Đảng, lịch sử, văn hoá dân tộc, mục tiêu, định hướng nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, đi ngược lợi ích quốc gia, dân tộc và quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Lợi dụng chủ trương đổi mới, sáng tạo để cố ý làm trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm vụ lợi, hợp thức hoá sai phạm đã xảy ra hoặc bao che, dung túng, che giấu hành vi vi phạm pháp luật.

2. Tự ý tổ chức thực hiện khi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt; cố ý thực hiện không đúng thẩm quyền, phạm vi, quy mô, nội dung, lộ trình đã được phê duyệt; không chấp hành chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về việc tiếp tục, tạm dừng hoặc chấm dứt thực hiện; cố ý không thực hiện quy trình, tiêu chuẩn an toàn hoặc biện pháp phòng ngừa, quản trị rủi ro bắt buộc đã được phê duyệt mà không có lý do chính đáng; lợi dụng cơ chế khuyến khích, bảo vệ để trì hoãn, né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao.

3. Thông đồng, móc nối, lạm dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi chính sách; tạo điều kiện cho người thân thích hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan hưởng lợi bất chính từ đề xuất hoặc trong quá trình triển khai thực hiện đề xuất.

4. Cố ý che giấu thông tin, báo cáo sai sự thật; không chấp hành yêu cầu kiểm tra, giám sát, thanh tra của cơ quan, người có thẩm quyền.

5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc vị trí công tác để chiếm đoạt, sao chép trái phép ý tưởng, sáng kiến, giải pháp của tổ chức, cá nhân khác hoặc can thiệp trái pháp luật, áp đặt ý chí chủ quan vào quá trình nghiên cứu, thử nghiệm, triển khai đề xuất.

6. Tự ý sửa đổi, làm sai lệch hoặc hợp thức hoá hồ sơ, tài liệu nhằm trốn tránh trách nhiệm, che giấu rủi ro, thiệt hại phát sinh hoặc đẩy trách nhiệm cho cấp dưới, tổ chức, cá nhân khác.

7. Cố ý cản trở, gây khó khăn đối với việc nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đã được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định.

8. Cố ý cản trở, gây khó khăn, từ chối, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, thiếu trách nhiệm trong thực hiện trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt đề xuất hoặc trong thực hiện trách nhiệm, biện pháp bảo vệ cán bộ khi cán bộ gặp rủi ro, thiệt hại khách quan khi đã thực hiện theo đúng đề xuất đã được phê duyệt.

9. Thiếu trách nhiệm, buông lỏng kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện đề xuất đã được phê duyệt.

10. Cố ý áp dụng máy móc quy định, xem xét phiến diện, cắt khúc sự việc, chỉ căn cứ vào hậu quả để quy kết trách nhiệm; cố ý quy kết, xử lý trách nhiệm hành chính, hình sự đối với rủi ro khách quan khi không có căn cứ theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

11. Định kiến trong kiểm tra, thanh tra, giám sát, xét xử; lạm dụng chức vụ, quyền hạn để trù dập, trả thù cán bộ đổi mới, sáng tạo.

12. Lợi dụng quyền dân chủ hoặc lấy rủi ro đã được nhận diện, dự báo và chấp nhận trong giới hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc rủi ro khách quan không thể dự báo tại thời điểm đề xuất để khiếu nại, tố cáo sai sự thật, xúc phạm danh dự, hạ thấp uy tín, gây thiệt hại hoặc trù dập cán bộ đổi mới, sáng tạo.

Chương II
TIÊU CHÍ, THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ XEM XÉT, PHÊ DUYỆT ĐỀ XUẤT ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO TRONG THỰC THI CÔNG VỤ

Điều 6. Tiêu chí xem xét đề xuất và phân loại đề xuất

1. Việc xem xét đề xuất cần bảo đảm các tiêu chí sau:

a) Giải quyết các vướng mắc, điểm nghẽn, tồn đọng kéo dài trong cơ chế, chính sách và thực tiễn; tập trung vào vấn đề chưa được quy định hoặc đã có quy định nhưng không còn phù hợp, gây cản trở sự phát triển; mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tạo chuyển biến rõ rệt, có khả năng nhân rộng.

b) Vì lợi ích quốc gia, dân tộc, cộng đồng hoặc sự phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị; không vì mục đích vụ lợi cá nhân hay lợi ích nhóm. Thông tin, số liệu trong đề xuất bảo đảm trung thực, đầy đủ, khách quan (bao gồm cả dự báo tác động bất lợi có thể xảy ra).

c) Có cơ sở lý luận, thực tiễn rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương; có phương án tổ chức thực hiện, quản trị rủi ro, kiểm soát và giảm thiểu thiệt hại; không duy ý chí, quan liêu, bất chấp.

d) Tính cấp thiết, phạm vi tác động, khả năng tháo gỡ ngay điểm nghẽn, vướng mắc hoặc tạo chuyển biến rõ rệt trong thực tiễn.

2. Căn cứ tính chất, phạm vi, quy mô tác động, mức độ rủi ro, đề xuất được phân thành 4 nhóm:

a) Đột phá khâu thực thi là giải pháp tháo gỡ vướng mắc trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, cải tiến phương pháp quản lý, điều hành hoặc ứng dụng công nghệ mới trong khuôn khổ đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đề xuất phải tạo ra thay đổi đáng kể về phương thức tổ chức thực hiện, thời gian, chi phí, chất lượng, năng suất hoặc hiệu quả thực thi và giải quyết được điểm nghẽn thực tế; không bao gồm cải tiến nghiệp vụ thông thường không làm thay đổi đáng kể kết quả đầu ra.

b) Đột phá thể chế là đề xuất chính sách mới đối với vấn đề chưa có quy định hoặc đề xuất cách thức thực hiện khác với quy định của pháp luật hiện hành nhằm tháo gỡ điểm nghẽn, bất cập về cơ chế, chính sách, phát huy hiệu quả nguồn lực phát triển.

c) Mô hình thí điểm là việc áp dụng thử nghiệm một thiết chế tổ chức bộ máy, cơ chế tài chính hoặc mô hình quản trị mới trên một địa bàn, lĩnh vực cụ thể trong thời gian xác định, làm cơ sở tổng kết, đánh giá, hoàn thiện trước khi xem xét áp dụng hoặc nhân rộng.

d) Không gian thử nghiệm có kiểm soát là việc thiết lập môi trường pháp lý giới hạn, khép kín và an toàn để thử nghiệm giải pháp tiềm ẩn rủi ro cao, chưa có tiền lệ, đòi hỏi cơ chế giám sát thực thi nghiêm ngặt và phương án can thiệp, chấm dứt kịp thời khi xảy ra rủi ro.

3. Một đề xuất có đặc điểm của từ hai nhóm trở lên thì xác định theo nhóm có mức độ thay đổi thể chế, phạm vi tác động hoặc mức độ rủi ro cao hơn để áp dụng thẩm quyền, trình tự thẩm định, giám sát, quản trị rủi ro và cơ chế bảo vệ tương ứng.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh nội dung làm thay đổi bản chất, thẩm quyền hoặc mức độ rủi ro của đề xuất thì phải phân loại lại và áp dụng thẩm quyền, trình tự thẩm định, giám sát, quản trị rủi ro tương ứng trước khi tiếp tục thực hiện nội dung phát sinh.

Điều 7. Thẩm quyền xem xét, phê duyệt đề xuất

1. Việc xem xét, phê duyệt đề xuất phải đúng thẩm quyền của Đảng và Nhà nước. Cấp uỷ, tổ chức đảng cho chủ trương đối với nội dung thuộc phạm vi lãnh đạo; cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền quyết định, phê duyệt theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thẩm quyền xem xét, phê duyệt đề xuất được xác định căn cứ vào nội dung, phạm vi, quy mô, mức độ tác động của đề xuất và thẩm quyền quyết định đối với nội dung cần đổi mới, sáng tạo.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, phê duyệt đối với đề xuất có phạm vi tác động trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý trực tiếp, làm phát sinh nghĩa vụ tài chính, sử dụng ngân sách, tài sản công trong phạm vi thẩm quyền.

3. Tập thể lãnh đạo xem xét, phê duyệt sau khi được cấp uỷ cho chủ trương đối với những đề xuất trong phạm vi thẩm quyền quản lý, bao gồm:

a) Đề xuất có phạm vi tác động đến cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Đề xuất có tác động lớn đến quyền, lợi ích, đời sống, sinh kế của người dân, làm phát sinh nghĩa vụ tài chính, sử dụng ngân sách, tài sản công trong phạm vi thẩm quyền.

4. Ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương; tập thể thường trực đảng uỷ ban, bộ, ngành Trung ương; tập thể lãnh đạo các ban, cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở Trung ương cho chủ trương hoặc phê duyệt đối với đề xuất trong phạm vi thẩm quyền quản lý, bao gồm:

a) Đề xuất có phạm vi tác động đến nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Đề xuất có tác động rất lớn đến quyền, lợi ích, đời sống, sinh kế của người dân, làm phát sinh nghĩa vụ tài chính, sử dụng ngân sách, tài sản công trong phạm vi thẩm quyền.

c) Đề xuất tháo gỡ điểm nghẽn, xử lý bất cập do quy định chồng chéo, mâu thuẫn hoặc không còn phù hợp thuộc phạm vi quản lý của địa phương, ngành, lĩnh vực.

d) Đề xuất xử lý vấn đề thực tiễn chưa được quy định hoặc cần thí điểm trong phạm vi thẩm quyền được giao, nhưng không trái với Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, Hiến pháp.

Đối với nội dung thuộc thẩm quyền của cơ quan nhà nước, việc quyết định, phê duyệt hoặc cho phép thí điểm thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Đối với đề xuất vượt thẩm quyền của cấp tỉnh, cấp bộ; đề xuất có tác động liên ngành, liên vùng hoặc đề xuất thí điểm có nội dung khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội; nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có liên quan phải báo cáo, trình cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương xem xét, quyết định. Cụ thể:

a) Đề xuất thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo Quy chế làm việc hoặc vấn đề có tác động lớn đến chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh quốc gia thì báo cáo, trình cấp có thẩm quyền của Đảng xem xét, cho chủ trương.

b) Đề xuất có nội dung khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội thì cơ quan có liên quan trình Quốc hội xem xét, quyết định; trường hợp thuộc thẩm quyền của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội theo Hiến pháp, luật hoặc nghị quyết của Quốc hội thì trình Uỷ ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

c) Đề xuất có nội dung khác với quy định của nghị quyết, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc giải pháp điều hành kinh tế - xã hội liên ngành, liên vùng, cơ quan có liên quan trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định cho phép thí điểm theo thẩm quyền.

Điều 8. Trình tự xem xét, phê duyệt, triển khai đề xuất

1. Trình tự, thủ tục xem xét, phê duyệt, triển khai đề xuất thực hiện theo quy định tại Mục II Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này.

Cấp có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, quyết định kịp thời; trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Tổ chức, cá nhân để xảy ra chậm trễ không có lý do chính đáng phải chịu trách nhiệm theo quy định.

2. Cán bộ không đồng ý với quyết định phê duyệt, từ chối, điều chỉnh, đình chỉ, chấm dứt hoặc kết luận đánh giá có quyền kiến nghị bằng văn bản đến cấp uỷ, cơ quan hoặc người có thẩm quyền cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết theo quy định.

Chương III
CƠ CHẾ TÔN VINH, TRỌNG DỤNG, BẢO VỆ CÁN BỘ DÁM ĐỔI MỚI, DÁM NGHĨ, DÁM LÀM, DÁM CHỊU TRÁCH NHIỆM VÌ LỢI ÍCH CHUNG

Điều 9. Các hình thức tôn vinh, trọng dụng

Cán bộ có đề xuất được phê duyệt, thực hiện đạt kết quả cao, đóng góp rõ rệt vào sự phát triển chung được ghi nhận, tôn vinh và hưởng các chính sách sau:

1. Được biểu dương, tôn vinh, khen thưởng. Trường hợp đề xuất có phạm vi ảnh hưởng lớn, được nhân rộng thành mô hình điển hình tiên tiến thì được ưu tiên xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước theo quy định.

2. Kết quả thực hiện đề xuất là căn cứ quan trọng để đánh giá, xếp loại và áp dụng chính sách trọng dụng phù hợp. Cán bộ có đề xuất mang lại hiệu quả rõ rệt được xem xét bố trí vào ngạch cao hơn theo vị trí việc làm, nâng bậc lương trước thời hạn; cán bộ trong lực lượng vũ trang được xem xét thăng quân hàm trước thời hạn theo quy định. Thành tích đột phá được lưu trong hồ sơ cán bộ và là căn cứ quan trọng khi đánh giá năng lực thực tiễn, bố trí, sử dụng cán bộ.

3. Cán bộ có đề xuất mang lại hiệu quả đặc biệt xuất sắc, có khả năng lan toả, nhân rộng trên phạm vi cả nước được ưu tiên bố trí, bổ nhiệm vào chức vụ lãnh đạo, quản lý cao hơn theo quy định; ưu tiên đưa vào quy hoạch cán bộ cấp chiến lược hoặc chức danh lãnh đạo cao hơn; được giao chủ trì nhiệm vụ trọng điểm, chiến lược, đột phá và tạo điều kiện về vị trí công tác, quỹ thời gian phù hợp; được đề xuất, lựa chọn nhân sự có năng lực cùng tổ chức thực hiện. Việc bố trí, sử dụng, bổ nhiệm cần căn cứ toàn diện về phẩm chất, uy tín, năng lực, kết quả và yêu cầu của vị trí công tác; thành tích đổi mới, sáng tạo là căn cứ quan trọng nhưng không phải căn cứ duy nhất. Tiêu chí xác định hiệu quả đặc biệt xuất sắc, khả năng lan toả, nhân rộng phải rõ ràng, khách quan, minh bạch, có khả năng kiểm chứng.

4. Căn cứ điều kiện thực tiễn và phạm vi thẩm quyền, cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất hoặc quyết định áp dụng cơ chế, chính sách tôn vinh, trọng dụng, hỗ trợ cán bộ theo quy định; ưu tiên bố trí nguồn lực, trang thiết bị và nhân lực để tiếp tục triển khai, nhân rộng dự án, công trình đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu. Việc khen thưởng vật chất, huy động nguồn lực xã hội hoá và quỹ hợp pháp ngoài ngân sách thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Điều 10. Đối tượng và điều kiện được bảo vệ

1. Đối tượng được bảo vệ gồm:

a) Cán bộ đề xuất, tham mưu, thẩm định (về pháp lý, tài chính, chuyên môn).

b) Thành viên hội đồng tư vấn, giám sát thực thi.

c) Đại diện cơ quan phối hợp.

d) Thành viên cấp uỷ, tập thể lãnh đạo, cán bộ phê duyệt.

đ) Cán bộ trực tiếp tổ chức thực hiện đề xuất.

2. Đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này được xem xét áp dụng biện pháp bảo vệ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Đề xuất được báo cáo, xem xét, phê duyệt đúng thẩm quyền, trình tự theo Quy định này.

b) Có động cơ trong sáng, vì lợi ích chung; không vụ lợi, trục lợi chính sách, lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm, tham nhũng, tiêu cực.

c) Đề xuất không thuộc trường hợp loại trừ quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy định này và cán bộ không thực hiện một trong các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 5 Quy định này.

d) Trường hợp đã phát sinh rủi ro, sai sót, thiệt hại thì việc xem xét bảo vệ đối với hậu quả, trách nhiệm phát sinh phải đồng thời căn cứ quy định tại Điều 12 Quy định này; cán bộ phải chủ động, kịp thời báo cáo và thực hiện các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, khắc phục, hạn chế thiệt hại.

Điều 11. Thẩm quyền và biện pháp bảo vệ cán bộ

1. Ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp chủ trì, chịu trách nhiệm xem xét, quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ cán bộ theo thẩm quyền.

2. Trong quá trình xem xét, ban thường vụ cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ thực hiện nhiệm vụ theo chức năng; phối hợp với các cơ quan nội chính, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, các cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan quản lý trực tiếp cán bộ.

3. Căn cứ kết luận vụ việc, ban thường vụ cấp uỷ quyết định hoặc lãnh đạo, chỉ đạo, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng một hoặc một số biện pháp bảo vệ sau:

a) Bảo vệ vị trí công tác, quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng và các quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ.

b) Bảo vệ danh dự, uy tín; cung cấp, xác nhận thông tin, hồ sơ, tài liệu và giải trình về chủ trương, quá trình thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện đề xuất khi cần thiết.

c) Xem xét không xử lý, miễn hoặc giảm trách nhiệm theo thẩm quyền và theo Điều 12 Quy định này.

d) Huỷ bỏ, sửa đổi hoặc kiến nghị huỷ bỏ, sửa đổi quyết định xử lý không đúng; xin lỗi, cải chính, phục hồi danh dự, uy tín, chức vụ, vị trí công tác, chế

độ, chính sách và các quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ theo Điều 13 Quy định này.

đ) Xem xét, xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi trù dập, trả thù, cản trở hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm bảo vệ cán bộ theo quy định.

4. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp, gây hậu quả nghiêm trọng, được dư luận xã hội quan tâm hoặc đề xuất thuộc thẩm quyền phê duyệt chủ trương của cấp Trung ương quy định tại Khoản 5 Điều 7 Quy định này, ban thường vụ cấp uỷ, tập thể lãnh đạo ban, bộ, ngành Trung ương báo cáo, xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định biện pháp bảo vệ cán bộ theo thẩm quyền.

5. Trình tự, thủ tục thẩm tra, xác minh, xem xét và áp dụng biện pháp bảo vệ thực hiện theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 12. Nguyên tắc và các trường hợp xem xét không xử lý, miễn hoặc giảm trách nhiệm xử lý kỷ luật

1. Việc xem xét không xử lý, miễn hoặc giảm trách nhiệm phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Căn cứ vào động cơ, mục đích, thẩm quyền, điều kiện khách quan, trình độ khoa học - công nghệ, khung pháp lý, mức độ lỗi, khả năng dự báo, kiểm soát rủi ro, hiệu quả thực tế, mức độ chủ động khắc phục hậu quả và vai trò, mức độ tham gia của từng chủ thể; không căn cứ duy nhất vào hậu quả hoặc kết quả đã biết sau đó để đánh giá, quy kết trách nhiệm.

b) Phân định rõ rủi ro, thiệt hại phát sinh do nguyên nhân khách quan, sự kiện bất khả kháng hoặc trong giới hạn rủi ro đã được cấp có thẩm quyền chấp nhận với rủi ro, thiệt hại phát sinh do sai sót không cố ý và hành vi cố ý vi phạm.

c) Khi kết luận phải xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong từng khâu cho chủ trương, thẩm định, phê duyệt, chỉ đạo, giám sát và tổ chức thực hiện; không quy toàn bộ trách nhiệm cho cá nhân trực tiếp thực hiện; trách nhiệm tập thể không thay thế trách nhiệm cá nhân.

d) Đề xuất mà không hoàn thành hoặc chỉ hoàn thành một phần mục tiêu, kể cả trường hợp phải tạm dừng hoặc chấm dứt thực hiện không phải là căn cứ duy nhất để xác định vi phạm hoặc loại trừ việc xem xét không xử lý, miễn, giảm trách nhiệm.

Trình tự, thủ tục xem xét không xử lý, miễn, giảm trách nhiệm thực hiện theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quy định này.

2. Không xem xét xử lý kỷ luật đảng khi có đủ các điều kiện sau:

a) Rủi ro, thiệt hại xảy ra đã được nhận diện, dự báo và chấp nhận trong giới hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc rủi ro, thiệt hại phát sinh do nguyên nhân, trở ngại khách quan, sự kiện bất khả kháng.

b) Động cơ trong sáng, vì lợi ích chung, không vụ lợi, tham nhũng, tiêu cực.

c) Tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung, phạm vi, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện kịp thời và đầy đủ các biện pháp cần thiết để nhận diện, phòng ngừa, kiểm soát, giảm thiểu và khắc phục rủi ro, thiệt hại.

3. Miễn, giảm trách nhiệm xử lý kỷ luật đảng khi có đủ các điều kiện sau:

a) Rủi ro, thiệt hại phát sinh do sai sót không cố ý.

b) Cán bộ có động cơ trong sáng, vì lợi ích chung, không vụ lợi, tham nhũng, tiêu cực.

c) Khi rủi ro, thiệt hại xảy ra đã chủ động báo cáo cấp có thẩm quyền, đồng thời thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát, giảm thiểu và khắc phục hậu quả.

4. Không áp dụng quy định về không xem xét xử lý tại Khoản 2 và miễn, giảm trách nhiệm tại Khoản 3 Điều này đối với các trường hợp sau:

a) Đề xuất thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 4 hoặc tổ chức, cá nhân thực hiện một trong các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 5 Quy định này.

b) Phát hiện rủi ro, sai sót nhưng cố ý che giấu, không báo cáo trung thực hoặc không kịp thời thực hiện biện pháp cần thiết để ngăn chặn, khắc phục, hạn chế thiệt hại, làm cho hậu quả, thiệt hại nghiêm trọng hơn.

c) Tái phạm cùng một hành vi, sai sót sau khi đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở, cảnh báo hoặc yêu cầu khắc phục mà không thực hiện.

5. Việc xử lý các trách nhiệm có liên quan được thực hiện như sau:

a) Đối với trách nhiệm hành chính, dân sự, hình sự và trách nhiệm pháp lý khác, ban thường vụ cấp uỷ ban hành kết luận, lãnh đạo, chỉ đạo hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét theo quy định của pháp luật. Kết luận của cấp uỷ là tài liệu để cơ quan có thẩm quyền xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện động cơ, mục đích, bối cảnh, quá trình thực hiện, mức độ lỗi và khả năng dự báo, kiểm soát rủi ro.

b) Trường hợp vụ việc thuộc phạm vi điều chỉnh của cơ chế, chính sách đặc thù do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì trách nhiệm pháp lý được xem xét theo quy định của pháp luật và cơ chế, chính sách đặc thù có liên quan; việc xem xét trách nhiệm kỷ luật đảng và áp dụng cơ chế bảo vệ theo Quy định này được thực hiện trong phạm vi thẩm quyền của Đảng.

c) Việc bồi thường, hoàn trả đối với thiệt hại phát sinh trong quá trình thực hiện đề xuất được xem xét căn cứ tính chất, mức độ lỗi, hậu quả, vai trò và mức độ tham gia của từng chủ thể và thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Ban Thường vụ cấp uỷ xem xét, quyết định việc không xử lý, miễn hoặc giảm trách nhiệm kỷ luật đảng theo thẩm quyền.

Điều 13. Phục hồi danh dự, uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp

1. Cán bộ bị khiếu nại, tố cáo, phản ánh sai sự thật hoặc bị xem xét, xử lý không đúng, sau đó được cấp có thẩm quyền kết luận thực hiện đúng chủ trương, đúng quy định, động cơ trong sáng, vì lợi ích chung thì được phục hồi danh dự, uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp.

2. Việc phục hồi danh dự, uy tín, quyền và lợi ích được thực hiện như sau:

a) Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân ban hành quyết định xử lý không đúng phải huỷ bỏ, sửa đổi hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền huỷ bỏ, sửa đổi quyết định theo quy định; đồng thời tổ chức xin lỗi công khai, khôi phục danh dự, uy tín của cán bộ. Việc công khai kết quả được thực hiện tương ứng với phạm vi, hình thức và mức độ đã công bố thông tin xử lý trước đó.

b) Kịp thời khôi phục đầy đủ quyền, lợi ích hợp pháp về chính trị, tổ chức và vật chất, gồm: Chức vụ, vị trí công tác, ngạch bậc, tiền lương, thâm niên, danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và các quyền, lợi ích hợp pháp khác theo quy định. Trường hợp có thiệt hại thì được bồi thường theo quy định của pháp luật.

c) Việc huỷ bỏ, sửa đổi quyết định xử lý không đúng, xin lỗi, cải chính và khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ phải được thực hiện trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của cấp có thẩm quyền. Trường hợp đặc biệt phức tạp phải báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định và thông báo bằng văn bản cho cán bộ.

3. Tổ chức, cá nhân có hành vi trù dập, trả thù, xâm phạm danh dự, uy tín hoặc cố ý làm sai lệch hồ sơ, tài liệu dẫn đến cán bộ bị xem xét, xử lý không đúng thì bị xem xét, xử lý theo quy định.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 14. Trách nhiệm, quyền hạn của cán bộ

1. Trách nhiệm

a) Tiên phong, gương mẫu, chủ động, trách nhiệm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ; mạnh dạn nhận việc mới, việc khó, việc phức tạp; thường xuyên nghiên cứu, phát hiện bất cập, điểm nghẽn và đề xuất ý tưởng, sáng kiến, giải pháp, cách làm mới để nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

b) Đối với công việc thuộc chức trách, nhiệm vụ và thẩm quyền phải chủ động, kịp thời quyết định, xử lý và chịu trách nhiệm về quyết định của mình; không trì hoãn, né tránh, đùn đẩy hoặc chuyển trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân khác. Trường hợp vượt thẩm quyền phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền kèm theo phương án giải quyết.

c) Chủ động tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ; phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để xử lý công việc đến cùng; không lấy khó khăn, vướng mắc hoặc quy định chưa rõ làm lý do để trì hoãn, né tránh trách nhiệm; không tự ý vượt thẩm quyền hoặc làm trái quy định.

d) Đối với đề xuất được phê duyệt, cần thực hiện trung thực, khách quan, đúng mục tiêu, nội dung, phạm vi, tiến độ và phương án; sử dụng hiệu quả nguồn lực, thực hiện đầy đủ biện pháp quản trị rủi ro và chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, sản phẩm, kết quả thuộc phạm vi được giao.

đ) Định kỳ theo quyết định phê duyệt, kế hoạch thực hiện hoặc khi có yêu cầu, kịp thời báo cáo cấp uỷ, người có thẩm quyền về tiến độ, kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và vấn đề phát sinh; chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ của báo cáo.

e) Khi phát hiện rủi ro, sai sót hoặc nguy cơ gây thiệt hại vượt quá khả năng kiểm soát, phải chủ động thực hiện biện pháp ứng phó cần thiết trong phạm vi thẩm quyền; đồng thời, kịp thời báo cáo, đề xuất với cấp có thẩm quyền để điều chỉnh, tạm dừng hoặc chấm dứt thực hiện theo quy định.

g) Chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng, sản phẩm và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp không thực hiện, chậm thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ thuộc chức trách, trách nhiệm mà không có lý do chính đáng thì bị xem xét, đánh giá và xử lý trách nhiệm theo quy định.

2. Quyền hạn

a) Được đề xuất lựa chọn cộng sự, người phối hợp thực hiện và đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tạo điều kiện về môi trường, nguồn lực và điều kiện cần thiết khác để triển khai đề xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Được từ chối thực hiện chỉ đạo trái với chủ trương, nội dung, phạm vi, phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và báo cáo ngay cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định; trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Mục II Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này.

c) Được yêu cầu cấp có thẩm quyền bảo vệ và giải trình về chủ trương, quá trình thẩm định, phê duyệt và bối cảnh thực hiện đề xuất trước các cơ quan chức năng khi bị thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hoặc có đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh liên quan đến đề xuất.

d) Trong thời gian chờ cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, xác minh, kết luận, cán bộ được giữ nguyên vị trí công tác, được cung cấp hoặc tiếp cận thông tin liên quan đến nội dung thẩm tra, xác minh theo quy định và chưa xem xét xử lý kỷ luật về rủi ro, thiệt hại phát sinh từ việc thực hiện đề xuất khi chưa có kết luận xác định hành vi vi phạm, trừ trường hợp có dấu hiệu rõ ràng về tham nhũng, tiêu cực hoặc vi phạm đặc biệt nghiêm trọng.

đ) Trường hợp có kết luận cán bộ thuộc diện được bảo vệ hoặc bị khiếu nại, tố cáo, xử lý sai lệch bản chất vụ việc thì được phục hồi đầy đủ các quyền, lợi ích hợp pháp về chính trị, danh dự, uy tín, chức vụ, vị trí công tác, chế độ, chính sách và được bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm, quyền hạn của cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị

1. Trách nhiệm

a) Hằng năm và khi cần thiết, chủ động rà soát, xác định việc mới, việc khó, nhiệm vụ phức tạp, điểm nghẽn, vấn đề tồn đọng kéo dài cần tập trung giải quyết; xác định rõ yêu cầu, mục tiêu, sản phẩm, tiến độ và lựa chọn, giao cán bộ có năng lực, bản lĩnh nghiên cứu, đề xuất, tổ chức thực hiện; không chỉ chờ cán bộ tự đề xuất đổi mới, sáng tạo.

b) Kịp thời xem xét, quyết định hoặc cho chủ trương đối với vấn đề thuộc thẩm quyền; việc thuộc trách nhiệm cần chủ động xử lý, không né tránh, đùn

đẩy, kéo dài. Trường hợp vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền kèm theo phương án giải quyết.

c) Việc giao nhiệm vụ cần gắn với giao quyền, xác định rõ cơ quan, cá nhân chủ trì, phối hợp, trách nhiệm, sản phẩm, thời hạn, nguồn lực và điều kiện thực hiện; bảo đảm giao quyền đi đôi với kiểm soát quyền lực, giao trách nhiệm đi đôi với kiểm tra, đánh giá kết quả.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện; kịp thời đối thoại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý vấn đề phát sinh thuộc trách nhiệm, thẩm quyền; trường hợp cần thiết, điều chỉnh nhiệm vụ, nguồn lực, tiến độ hoặc phương thức tổ chức thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tế.

đ) Lấy sản phẩm, kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, nhất là kết quả giải quyết việc mới, việc khó, điểm nghẽn, vấn đề tồn đọng kéo dài làm căn cứ quan trọng trong đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ; kịp thời phát hiện, trọng dụng người làm được việc; sàng lọc, bố trí lại hoặc thay thế cán bộ trì trệ, né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm.

e) Chịu trách nhiệm trước cấp uỷ, tổ chức đảng cấp trên về việc không xem xét, không quyết định, chậm quyết định hoặc không xử lý kịp thời vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm, để công việc đình trệ, kéo dài, làm lỡ thời cơ, lãng phí nguồn lực hoặc ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Quyền hạn

a) Theo thẩm quyền, quyết định việc cho phép tiếp tục, điều chỉnh, tạm dừng hoặc đình chỉ thực hiện đề xuất dựa trên diễn biến và tình hình thực tế. Trường hợp đề xuất do cấp trên hoặc cơ quan khác có thẩm quyền phê duyệt, kịp thời báo cáo, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng, cơ quan thuộc thẩm quyền; đề nghị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan có liên quan phối hợp, cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu theo quy định để kịp thời xem xét, cảnh báo và thực hiện biện pháp bảo vệ cán bộ.

Điều 16. Trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu

1. Trách nhiệm

a) Tiên phong, gương mẫu trong đổi mới, sáng tạo; chủ động nhận và trực tiếp chỉ đạo giải quyết việc mới, việc khó, việc phức tạp, vấn đề tồn đọng kéo dài thuộc phạm vi trách nhiệm; dám quyết định và chịu trách nhiệm đối với vấn đề thuộc thẩm quyền.

b) Chủ động lựa chọn, phân công cán bộ có năng lực, bản lĩnh thực hiện nhiệm vụ; giao việc gắn với giao quyền, xác định rõ trách nhiệm, sản phẩm, tiến độ, nguồn lực và điều kiện thực hiện; không giao việc chung chung; giao trách nhiệm nhưng không giao đủ thẩm quyền và điều kiện thực hiện.

c) Sâu sát thực tiễn, thường xuyên đối thoại với cán bộ, cấp dưới; kịp thời tiếp nhận và trực tiếp xem xét, xử lý khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn phát sinh. Vấn đề thuộc thẩm quyền phải kịp thời quyết định; vấn đề vượt thẩm quyền phải báo cáo cấp có thẩm quyền kèm theo phương án, kiến nghị xử lý; không lấy việc xin ý kiến làm lý do để né tránh trách nhiệm thuộc thẩm quyền.

d) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; kịp thời điều chỉnh cách thức tổ chức thực hiện khi không còn phù hợp; lấy sản phẩm, kết quả và hiệu quả thực thi làm căn cứ chủ yếu để đánh giá cán bộ được giao nhiệm vụ.

đ) Kịp thời phát hiện, giao việc, thử thách và đề xuất trọng dụng cán bộ có năng lực, dám nhận việc khó, tạo ra sản phẩm, kết quả cụ thể; đồng thời xem xét trách nhiệm, đề xuất sàng lọc, bố trí lại hoặc thay thế người làm việc cầm chừng, né tránh việc khó, đùn đẩy, trì trệ, thiếu trách nhiệm.

e) Chịu trách nhiệm trước cấp uỷ, tập thể lãnh đạo cấp trên về quyết định thuộc thẩm quyền và về việc không thực hiện, chậm thực hiện, không quyết định hoặc chậm quyết định không có lý do chính đáng, để công việc đình trệ, bỏ lỡ cơ hội phát triển, lãng phí nguồn lực hoặc ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Quyền hạn

a) Trong trường hợp cấp bách hoặc phát sinh rủi ro, sự cố có nguy cơ gây thiệt hại lớn, lan rộng, người đứng đầu quyết định tạm dừng ngay việc thực hiện đề xuất hoặc áp dụng biện pháp xử lý tình huống khẩn cấp theo thẩm quyền, đồng thời báo cáo ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp có thẩm quyền tại phiên họp gần nhất.

b) Quyết định huy động, trưng tập cán bộ, chuyên gia hoặc điều phối, bố trí nguồn lực hợp pháp khác thuộc thẩm quyền quản lý để hỗ trợ cán bộ xử lý, khắc phục rủi ro, sự cố phát sinh trong quá trình thực hiện đề xuất.

c) Kiến nghị ban thường vụ cấp uỷ quyết định việc điều chỉnh cơ chế hoặc áp dụng chính sách bảo vệ đặc biệt đối với cán bộ; được bảo lưu ý kiến bằng văn bản khi có quan điểm khác với tập thể lãnh đạo về đánh giá rủi ro và

biện pháp bảo vệ cán bộ. Ý kiến bảo lưu được lưu trong hồ sơ và được xem xét cùng với ý kiến của tập thể khi cấp có thẩm quyền quyết định.

Chương V
KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

Điều 17. Khen thưởng

1. Cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu có thành tích xuất sắc trong phát hiện, khuyến khích, giao nhiệm vụ, tạo điều kiện, đồng hành và bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo đạt kết quả thiết thực được biểu dương, khen thưởng theo quy định.

2. Cán bộ có đề xuất hoặc trực tiếp tổ chức thực hiện đạt kết quả nổi bật, mang lại hiệu quả thiết thực cho đất nước, địa phương, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị được khen thưởng theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và được áp dụng chính sách tôn vinh, trọng dụng quy định tại Điều 9 Quy định này.

3. Việc khen thưởng cần căn cứ vào kết quả thực chất, mức độ đóng góp, hiệu quả, tác động và khả năng lan toả, nhân rộng; bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, kịp thời, đúng quy định; không bình quân, hình thức. Không lấy một đề xuất làm căn cứ duy nhất để đánh giá, khen thưởng hoặc áp dụng chính sách đối với cán bộ.

Điều 18. Xử lý trách nhiệm và vi phạm

1. Cán bộ không thực hiện, chậm hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ; né tránh, đùn đẩy, không hoặc chậm xử lý công việc thuộc chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền mà không có lý do chính đáng thì tuỳ tính chất, mức độ, hậu quả, được xem xét trong đánh giá, xếp loại, bố trí, sử dụng; trường hợp đến mức phải xử lý thì bố trí lại, thay thế hoặc kỷ luật theo quy định.

2. Cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm tại Điều 15; không kịp thời xem xét, quyết định hoặc cho chủ trương vấn đề thuộc thẩm quyền; để xảy ra trì trệ, né tránh, đùn đẩy, kéo dài công việc thì bị xem xét trách nhiệm, đánh giá, xếp loại; xác định rõ trách nhiệm tập thể, người đứng đầu, cá nhân liên quan.

3. Người đứng đầu không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm tại Điều 16; không hoặc chậm quyết định, xử lý vấn đề thuộc trách nhiệm, thẩm quyền mà không có lý do chính đáng, làm công việc đình trệ, kéo dài, bỏ lỡ thời cơ, lãng phí nguồn lực hoặc ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp

của tổ chức, cá nhân thì tuỳ tính chất, mức độ, hậu quả bị xem xét đánh giá, xếp loại, bố trí lại, thay thế, miễn nhiệm hoặc kỷ luật theo quy định.

4. Không xem xét trách nhiệm theo quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này đối với trường hợp chậm hoặc chưa thể quyết định, xử lý do nguyên nhân khách quan, vượt thẩm quyền hoặc chưa đủ điều kiện thực hiện, nếu tổ chức, cá nhân đã chủ động xử lý trong phạm vi trách nhiệm, kịp thời báo cáo và đề xuất phương án giải quyết.

5. Cán bộ, cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu, thành viên Hội đồng tư vấn, giám sát thực thi, Đoàn thẩm tra, xác minh; cơ quan kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm toán nhà nước và tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện hành vi bị nghiêm cấm tại Điều 5 thì tuỳ tính chất, mức độ, hậu quả bị xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật.

6. Tổ chức, cá nhân vi phạm gây thiệt hại về tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác phải bồi thường, hoàn trả, khắc phục hậu quả theo pháp luật.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, thể chế hoá các nội dung của Quy định này thuộc phạm vi pháp luật của Nhà nước, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và khả thi trong tổ chức thực hiện.

2. Uỷ ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Nội chính Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Đảng uỷ Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Đảng uỷ Toà án nhân dân tối cao, Đảng uỷ Chính phủ và các cơ quan có liên quan ban hành văn bản hướng dẫn quy trình, thủ tục xem xét không xử lý, miễn, giảm trách nhiệm kỷ luật đảng đối với cán bộ thuộc diện được bảo vệ theo Quy định này; thường xuyên kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân không thực hiện đầy đủ Quy định này hoặc cố tình làm trái, lợi dụng chính sách.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì tuyên truyền, định hướng thông tin, tạo đồng thuận xã hội trong thực hiện Quy định này.

4. Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động, giám sát việc thực hiện Quy định này.

5. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương và các cấp uỷ, tổ chức đảng liên quan lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt, cụ thể hoá và thực hiện Quy định này. Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc, quy định, quy trình nội bộ và phân công rõ trách nhiệm trong tiếp nhận, xem xét, thẩm định, phê duyệt, quản trị rủi ro, giám sát thực thi và bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị.

6. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này; hướng dẫn việc tôn vinh, trọng dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng và bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo; kịp thời tổng hợp, đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ vướng mắc trong thực hiện Quy định này; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Các Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này là bộ phận không tách rời của Quy định.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương kịp thời báo cáo Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương) xem xét, quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Trần Cẩm Tú

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các ban, cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương;
- Các đảng uỷ bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương;
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương;
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

Phụ lục 1
CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN

(Kèm theo Quy định số 220-QĐ/TW, ngày 30/9/2026 của Ban Bí thư)

---

1. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Quản lý, sử dụng hiệu quả và khơi thông nguồn lực về đất đai, đầu tư công, tài chính, ngân sách, đấu thầu, quản lý và sử dụng tài sản công.

3. Cải cách hành chính, tinh gọn tổ chức bộ máy, đổi mới công tác đánh giá, sử dụng cán bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị và hệ thống chính trị.

4. Công tác xây dựng Đảng; kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và nâng cao đạo đức công vụ.

5. Bảo đảm quốc phòng, an ninh; an ninh năng lượng quốc gia; chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

6. Phát triển giáo dục và đào tạo, văn hoá Việt Nam; tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân.

7. Xử lý vấn đề thực tiễn phát sinh, tháo gỡ điểm nghẽn, vướng mắc do pháp luật chưa quy định, quy định chồng chéo, mâu thuẫn hoặc không còn phù hợp với thực tiễn, cản trở việc huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực.

8. Thực hiện đường lối đối ngoại; đẩy mạnh hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.

Phụ lục 2

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT, PHÊ DUYỆT, TRIỂN KHAI ĐỀ XUẤT

(Kèm theo Quy định số 220-QĐ/TW, ngày 30/9/2026 của Ban Bí thư)

I- BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

Báo cáo đề xuất phải bằng văn bản và có đầy đủ nội dung sau:

1. Tên đề xuất; sự cần thiết; cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn.

2. Đánh giá thực trạng, xác định điểm nghẽn cần giải quyết; thuyết minh tính đột phá, điểm khác biệt, nội dung khác với quy định hiện hành (nếu có); xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thực hiện, chỉ tiêu, kết quả đầu ra, nguồn lực bảo đảm, tính khả thi và hiệu quả dự kiến.

3. Đánh giá tác động của đề xuất, bao gồm tác động tích cực và tác động bất lợi có thể phát sinh; dự báo rủi ro; xây dựng kịch bản, phương án kiểm soát, phòng ngừa, ứng phó rủi ro và giảm thiểu thiệt hại.

4. Đối với hoạt động nghiên cứu, dự báo, tham mưu chính sách chưa đủ cơ sở xác định đầy đủ tác động, hiệu quả hoặc kết quả dự kiến tại thời điểm đề xuất, Báo cáo tập trung làm rõ vấn đề nghiên cứu, cơ sở, phương pháp, giả định, phạm vi áp dụng và rủi ro có thể nhận diện; nội dung còn lại được cập nhật, hoàn thiện trong quá trình nghiên cứu, tham mưu.

II- TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT, PHÊ DUYỆT, TRIỂN KHAI

1. Cán bộ xây dựng Báo cáo đề xuất theo Phần I Phụ lục này, gửi người đứng đầu, cấp uỷ hoặc tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị để xem xét theo thẩm quyền quy định tại Điều 7 Quy định này.

2. Đối với đề xuất thuộc thẩm quyền của người đứng đầu quy định tại Khoản 2 Điều 7 Quy định này, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, người đứng đầu quyết định phê duyệt hoặc từ chối bằng văn bản, nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối. Trường hợp phê duyệt, phải xác định rõ mục tiêu, nội dung, phạm vi, thời gian thực hiện, nguồn lực, kết quả đầu ra, cơ chế quản trị rủi ro; giao cơ quan, bộ phận chuyên môn theo dõi, hỗ trợ, giám sát việc thực hiện.

3. Đối với đề xuất thuộc thẩm quyền của cấp uỷ hoặc tập thể lãnh đạo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Quy định này, trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ

ngày nhận đủ hồ sơ, cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng Tư vấn, giám sát thực thi khi cần thiết. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thành lập, Hội đồng tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả; đối với đề xuất phức tạp, chuyên môn sâu, thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày làm việc. Trường hợp không thành lập Hội đồng, cấp có thẩm quyền giao cơ quan, bộ phận chuyên môn thẩm định, tham mưu; thời hạn thẩm định không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày được giao, trường hợp phức tạp, chuyên môn sâu có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày làm việc.

Căn cứ kết quả thẩm định, cấp có thẩm quyền quyết định hoặc cho chủ trương theo thẩm quyền; đối với nội dung thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định, phê duyệt theo quy định của pháp luật. Quyết định phê duyệt phải xác định rõ mục tiêu, nội dung, phạm vi, kết quả đầu ra, nguồn lực, thời gian thực hiện, giới hạn rủi ro, cơ chế giám sát, thẩm quyền điều chỉnh, tạm dừng và trách nhiệm của chủ thể có liên quan.

Quá thời hạn mà không có văn bản trả lời, cán bộ có quyền báo cáo cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

4. Đối với đề xuất thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 7 Quy định này, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cấp uỷ, tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận thẩm định, hoàn thiện hồ sơ và báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định. Khi trình, phải xác định rõ nội dung thuộc thẩm quyền của cấp tiếp nhận, nội dung vượt thẩm quyền, cơ quan có thẩm quyền xem xét và căn cứ xác định thẩm quyền.

Đề xuất gồm nhiều nội dung thì phần thuộc thẩm quyền được triển khai trước, phần vượt thẩm quyền được tách để báo cáo cấp có thẩm quyền nếu việc tách không làm thay đổi bản chất, mục tiêu, tính an toàn hoặc hiệu quả tổng thể của đề xuất; trường hợp nếu việc tách nội dung làm thay đổi bản chất, mục tiêu, tính an toàn hoặc hiệu quả tổng thể của đề xuất thì cần báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Không lấy lý do có nội dung vượt thẩm quyền để chậm trễ toàn bộ đề xuất.

5. Quyết định trong tình huống cấp bách, nếu được ghi nhận, lưu vết và hoàn thiện hồ sơ đúng thời hạn thì được coi là đáp ứng yêu cầu về trình tự, thủ tục để xem xét áp dụng cơ chế bảo vệ theo Quy định này.

6. Trong quá trình thực hiện, Hội đồng hoặc cơ quan, bộ phận được giao theo dõi có trách nhiệm hỗ trợ, giám sát tiến độ, nhận diện, cảnh báo và quản trị rủi ro; kịp thời tham mưu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Khi phát sinh vấn đề do pháp luật chưa quy định, quy định chưa rõ, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp, cơ quan, Hội đồng hoặc cán bộ đề nghị cơ quan chức năng có liên quan cho ý kiến. Cơ quan được đề nghị có trách nhiệm trả lời trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc. Quá thời hạn mà chưa trả lời thì báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định; không coi việc không trả lời là sự chấp thuận đối với nội dung mà pháp luật quy định phải có ý kiến, chấp thuận hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

7. Khi phát sinh yếu tố khách quan làm thay đổi mục tiêu, nội dung, lộ trình hoặc mức độ rủi ro, cán bộ báo cáo để cấp có thẩm quyền điều chỉnh, tiếp tục, tạm dừng hoặc chấm dứt thực hiện. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thông tin, cấp có thẩm quyền phải có quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản.

Khi xuất hiện nguy cơ gây thiệt hại lớn, vượt quá giới hạn rủi ro được phê duyệt, người đứng đầu quyết định tạm dừng khẩn cấp theo thẩm quyền và báo cáo cấp có thẩm quyền tại phiên họp gần nhất.

8. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định đình chỉ hoặc chấm dứt thực hiện, cơ quan, người có thẩm quyền đã phê duyệt tổ chức đánh giá, xử lý hậu quả, xác định thiệt hại, giải quyết nghĩa vụ phát sinh và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan; trường hợp cần thiết, thành lập Tổ công tác độc lập để thực hiện.

9. Khi kết thúc thời gian thực hiện, Hội đồng hoặc cơ quan được giao giám sát đánh giá toàn diện kết quả, mức độ hoàn thành mục tiêu, hiệu quả, tác động, rủi ro và vấn đề phát sinh; báo cáo cấp có thẩm quyền kết luận, quyết định việc áp dụng, nhân rộng, hoàn thiện thể chế và tôn vinh, trọng dụng, bảo vệ cán bộ theo Quy định này.

Phụ lục 3
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN, GIÁM SÁT THỰC THI VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO
(Kèm theo Quy định số 220-QĐ/TW, ngày 30/9/2026 của Ban Bí thư)

I- HỘI ĐỒNG TƯ VẤN, GIÁM SÁT THỰC THI

1. Hội đồng là thiết chế tư vấn, hỗ trợ đánh giá chuyên môn, đánh giá tác động và quản trị rủi ro đối với đề xuất; ý kiến của Hội đồng là cơ sở quan trọng để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định nhưng không thay thế thẩm quyền, trách nhiệm quyết định của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Thẩm quyền thành lập và thành phần Hội đồng

a) Hội đồng do cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định đề xuất thành lập; Chủ tịch Hội đồng là đại diện cấp uỷ hoặc đại diện lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền.

b) Thành viên Hội đồng là chuyên gia, cán bộ am hiểu sâu chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, được lựa chọn phù hợp với từng đề xuất. Mời đại diện các cơ quan nội chính, kiểm tra, thanh tra, tư pháp tham gia khi cần thiết đối với đề xuất có rủi ro pháp lý cao hoặc phức tạp, liên ngành.

3. Nguyên tắc hoạt động và trách nhiệm

a) Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai và minh bạch.

b) Thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan thành lập Hội đồng về tính khách quan, khoa học của ý kiến tư vấn; thực hiện nghiêm quy định phòng ngừa, kiểm soát xung đột lợi ích. Nghiêm cấm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến người đề xuất hoặc nội dung đề xuất tham gia Hội đồng. Thành viên Hội đồng phải chủ động báo cáo cơ quan thành lập Hội đồng khi phát sinh nguy cơ xung đột lợi ích.

c) Khi có ý kiến khác nhau, thành viên Hội đồng có quyền bảo lưu ý kiến; ý kiến bảo lưu phải được ghi đầy đủ trong biên bản họp và lưu cùng hồ sơ tư vấn. Hội đồng có trách nhiệm lập, quản lý, lưu trữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu, biên bản cuộc họp và ý kiến tư vấn theo quy định để phục vụ công tác giám sát và bảo vệ cán bộ.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn

Hội đồng đồng hành, tư vấn chuyên môn, hỗ trợ tháo gỡ vướng mắc và giám sát, quản trị rủi ro xuyên suốt từ khi thẩm định, xem xét, quyết định hoặc cho phép thực hiện đến khi kết thúc đề xuất.

II- YÊU CẦU QUẢN TRỊ RỦI RO

1. Việc đánh giá tác động, dự báo rủi ro và xây dựng phương án kiểm soát, phòng ngừa, ứng phó rủi ro phải căn cứ thông tin, điều kiện khách quan, trình độ khoa học - công nghệ, khung pháp lý và khả năng dự báo hợp lý tại thời điểm đề xuất, phê duyệt hoặc ra quyết định. Nội dung đánh giá tác động, dự báo rủi ro và xây dựng phương án kiểm soát, phòng ngừa, ứng phó rủi ro gồm:

a) Xác định toàn diện các rủi ro có thể phát sinh, chú trọng vào các rủi ro chính; chỉ số cảnh báo, ngưỡng rủi ro chấp nhận được.

b) Xác định các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát và phương án xử lý tương ứng với phạm vi, quy mô, tác động, trong đó xác định rõ cơ chế điều chỉnh, điều kiện tạm dừng/chấm dứt, cơ chế can thiệp và phương án hoàn nguyên.

c) Đánh giá rủi ro pháp lý, tác động đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

d) Xác định cơ chế giám sát, trách nhiệm giải trình; phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên bị tác động.

2. Quyết định phê duyệt phải xác định rõ giới hạn rủi ro, cơ chế giám sát và trách nhiệm của chủ thể có liên quan; việc giao quyền, giao nguồn lực phải gắn với yêu cầu nhận diện, phòng ngừa, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro.

3. Trong quá trình thực hiện, Hội đồng hoặc cơ quan, bộ phận được giao theo dõi có trách nhiệm hỗ trợ, giám sát tiến độ, nhận diện, cảnh báo và quản trị rủi ro; kịp thời tham mưu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Hội đồng hoặc cơ quan được giao theo dõi báo cáo cấp có thẩm quyền định kỳ theo quyết định phê duyệt và báo cáo ngay khi chỉ số cảnh báo vượt ngưỡng đã xác định.

4. Việc điều chỉnh, tạm dừng, chấm dứt thực hiện khi thay đổi mục tiêu, lộ trình hoặc mức độ rủi ro thực hiện theo Khoản 7 Phần II Phụ lục 2.

III- YÊU CẦU ĐỐI VỚI KHÔNG GIAN THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT

1. Quyết định cho phép thử nghiệm phải xác định rõ phạm vi, đối tượng, địa bàn hoặc môi trường thử nghiệm, thời hạn, nguồn lực, loại dữ liệu được sử dụng, chủ thể được tiếp cận dữ liệu, mục tiêu, kết quả đầu ra, giới hạn rủi ro và trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân có liên quan. Thời hạn thử nghiệm phải xác định cụ thể; việc gia hạn do cấp đã cho phép thử nghiệm quyết định trên cơ sở báo cáo đánh giá giữa kỳ.

2. Phải xác định trước chỉ số cảnh báo, ngưỡng rủi ro chấp nhận được, điều kiện tạm dừng hoặc chấm dứt thử nghiệm. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tạm dừng phải được xác định rõ trong quyết định phê duyệt.

3. Phải có phương án xử lý hậu quả và khôi phục trạng thái vận hành trước thử nghiệm (hoàn nguyên) khi thử nghiệm thất bại, bị tạm dừng hoặc chấm dứt; đồng thời bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và bên thứ ba bị tác động theo quy định của pháp luật.

4. Đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo hoặc công nghệ tự động có khả năng tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, kết quả do hệ thống tạo ra chỉ là thông tin, căn cứ hỗ trợ; không tự động thay thế quyết định và trách nhiệm của người có thẩm quyền, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Kết thúc thử nghiệm, cơ quan chủ trì báo cáo cấp đã cho phép thử nghiệm về kết quả, mức độ đạt mục tiêu, rủi ro đã phát sinh, việc tuân thủ giới hạn được phê duyệt và kiến nghị áp dụng, nhân rộng hoặc chấm dứt.

Phụ lục 4

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT, ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẢO VỆ VÀ XEM XÉT KHÔNG XỬ LÝ, MIỄN, GIẢM TRÁCH NHIỆM

(Kèm theo Quy định số 220-QĐ/TW, ngày 30/9/2026 của Ban Bí thư)

I- TIẾP NHẬN, XEM XÉT YÊU CẦU BẢO VỆ CÁN BỘ

1. Khi đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 10 Quy định này gặp rủi ro, phát sinh thiệt hại hoặc bị khiếu nại, tố cáo, phản ánh, xem xét trách nhiệm liên quan đến việc thực hiện đề xuất, cán bộ, cơ quan quản lý cán bộ hoặc cơ quan, tổ chức có liên quan báo cáo ban thường vụ cấp uỷ có thẩm quyền xem xét bảo vệ theo Điều 11 Quy định này.

2. Hồ sơ xem xét bảo vệ gồm:

a) Văn bản đề nghị xem xét bảo vệ hoặc báo cáo của cơ quan, tổ chức có liên quan.

b) Đề xuất và quyết định phê duyệt hoặc văn bản cho chủ trương; tài liệu về việc điều chỉnh đề xuất trong quá trình thực hiện (nếu có).

c) Báo cáo quá trình thực hiện, kết quả đạt được, rủi ro, sai sót, thiệt hại phát sinh và biện pháp đã thực hiện để phòng ngừa, hạn chế, khắc phục hậu quả.

d) Kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán; tài liệu về khiếu nại, tố cáo, phản ánh và tài liệu có liên quan (nếu có).

đ) Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và tài liệu khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Căn cứ tính chất, mức độ, phạm vi ảnh hưởng và mức độ phức tạp của vụ việc, ban thường vụ cấp uỷ quyết định việc thẩm tra, xác minh; cơ chế phối hợp; trưng cầu ý kiến cơ quan chuyên môn cấp trên, chuyên gia, nhà khoa học độc lập khi cần thiết để bảo đảm đánh giá khách quan, toàn diện.

II- THẨM TRA, XÁC MINH VÀ QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẢO VỆ

1. Ban thường vụ cấp uỷ có thẩm quyền thành lập Đoàn thẩm tra, xác minh gồm đại diện cơ quan kiểm tra, nội chính và cơ quan chuyên môn có liên quan; trường hợp cần thiết mời đại diện cơ quan thanh tra, kiểm toán hoặc cơ quan, tổ chức có liên quan tham gia.

Đoàn thẩm tra, xác minh có trách nhiệm thu thập hồ sơ, tài liệu; làm việc với tổ chức, cá nhân có liên quan; làm rõ quá trình đề xuất, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện; nguyên nhân, tính chất, mức độ rủi ro, sai sót, thiệt hại; khả năng dự báo, kiểm soát rủi ro; biện pháp phòng ngừa, khắc phục và trách nhiệm của từng chủ thể có liên quan.

2. Thời hạn thẩm tra, xác minh không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Đoàn; trường hợp phức tạp được gia hạn nhưng tổng thời gian không quá 60 ngày làm việc.

Trong thời gian thẩm tra, xác minh, không tạm đình chỉ công tác, không làm gián đoạn việc quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ chỉ vì phát sinh rủi ro, thiệt hại từ việc thực hiện đề xuất; trừ trường hợp phải áp dụng biện pháp khác theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Người đã tham gia đề xuất, thẩm định, phê duyệt hoặc có quyền, lợi ích, nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến vụ việc không được tham gia Đoàn thẩm tra, xác minh hoặc việc xem xét, kết luận vụ việc. Trường hợp vụ việc liên quan trực tiếp đến người đứng đầu hoặc đa số thành viên tập thể lãnh đạo cùng cấp thì báo cáo cấp uỷ cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

4. Trên cơ sở kết quả thẩm tra, xác minh, ban thường vụ cấp uỷ xem xét toàn diện vụ việc theo nguyên tắc, điều kiện quy định tại Điều 3, Điều 10 và Điều 12 Quy định này; ban hành kết luận xác định rõ:

a) Tính chất, nguyên nhân rủi ro, sai sót, thiệt hại.

b) Việc tuân thủ chủ trương, thẩm quyền, nội dung, phạm vi, lộ trình, phương án đã được phê duyệt.

c) Động cơ, mục đích; mức độ lỗi; khả năng dự báo, kiểm soát rủi ro; việc báo cáo và thực hiện biện pháp phòng ngừa, hạn chế, khắc phục hậu quả.

d) Vai trò, trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong từng khâu cho chủ trương, thẩm định, phê duyệt, chỉ đạo, giám sát và tổ chức thực hiện.

đ) Việc thuộc hoặc không thuộc trường hợp được bảo vệ; biện pháp bảo vệ cần áp dụng; cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện và thời hạn hoàn thành.

5. Căn cứ kết luận, ban thường vụ cấp uỷ quyết định hoặc lãnh đạo, chỉ đạo, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng một hoặc một số biện pháp bảo vệ quy định tại Điều 11 và phục hồi danh dự, uy tín, quyền, lợi ích hợp pháp theo Điều 13 Quy định này.

6. Khi có căn cứ xác định cán bộ lợi dụng chủ trương đổi mới, sáng tạo để cố ý vi phạm, vụ lợi, trục lợi chính sách, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc thực hiện hành vi bị nghiêm cấm tại Điều 5 Quy định này thì dừng xem xét hoặc dừng áp dụng biện pháp bảo vệ và chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

III- TRÌNH TỰ XEM XÉT KHÔNG XỬ LÝ, MIỄN, GIẢM TRÁCH NHIỆM

1. Trên cơ sở kết quả thẩm tra, xác minh, trường hợp có căn cứ cho rằng cán bộ thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 hoặc Khoản 3 Điều 12 Quy định này, Đoàn thẩm tra, xác minh báo cáo ban thường vụ cấp uỷ xem xét việc không xử lý, miễn hoặc giảm trách nhiệm kỷ luật đảng theo thẩm quyền.

2. Báo cáo đề nghị phải xác định rõ:

a) Hành vi, rủi ro, sai sót và hậu quả, thiệt hại phát sinh.

b) Nguyên nhân khách quan, chủ quan và mức độ lỗi.

c) Việc đáp ứng từng điều kiện quy định tại Khoản 2 hoặc Khoản 3 Điều 12 Quy định này.

d) Việc có hoặc không thuộc trường hợp không được áp dụng cơ chế quy định tại Khoản 4 Điều 12 Quy định này.

đ) Ý kiến đề xuất về việc không xử lý, miễn hoặc giảm trách nhiệm và căn cứ của đề xuất.

3. Ban thường vụ cấp uỷ xem xét, quyết định việc không xử lý, miễn hoặc giảm trách nhiệm kỷ luật đảng theo thẩm quyền. Kết luận phải nêu rõ căn cứ, trường hợp được áp dụng, phạm vi trách nhiệm được miễn, giảm hoặc không xử lý và trách nhiệm tiếp tục khắc phục hậu quả (nếu có).

4. Đối với trách nhiệm hành chính, dân sự, hình sự và trách nhiệm pháp lý khác, việc chuyển kết luận, hồ sơ và kiến nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo Khoản 5 Điều 12 Quy định này.

5. Hồ sơ, tài liệu, kết luận và quyết định liên quan đến việc bảo vệ, không xử lý, miễn, giảm trách nhiệm được quản lý, lưu trữ theo quy định; được cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi xem xét trách nhiệm liên quan đến việc thực hiện đề xuất.